

Số: 08 /KH-NVB

Hóc Môn, ngày 03 tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn, nhiệm vụ năm học 2023-2024 trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa xây dựng kế hoạch thực hiện Quy chế công khai cho năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

II. THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI

- Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai gồm các ông bà sau:

- | | | |
|--|-------------------|--------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | – Phó Hiệu trưởng | - Trưởng ban |
| 2. Bà Huỳnh Mai Chương | – Phó Hiệu trưởng | – Phó ban |
| 3. Bà Huỳnh Thị Lệ Giang | – CTCD | – Thư ký |
| 4. Bà Đỗ Thụy Kim Thụy | – TPT | – Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Trần Trung Tân | – Kế toán | – Thành viên |
| 6. Bà Phạm Thị Dung Nghi | – Văn thư | – Thành viên |
| 7. Bà Trần Khánh Tường Vy | – TKHĐ | – Thành viên |
| 8. Cùng 08 tổ trưởng Chuyên môn và Văn phòng | | – Thành viên |

- Ban chỉ đạo căn cứ vào Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo để lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế.

- Trách nhiệm:

Trường ban chỉ đạo phụ trách chung;

Phó ban chỉ đạo và Văn thư phụ trách nội dung 1 (chủ trì phó ban);

Các thành viên phụ trách nội dung 2, 3.

- Hướng dẫn: Phó hiệu trưởng triển khai và thực hiện báo cáo, đăng Web và niêm yết công khai tại trường.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Các nội dung công khai

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (thực hiện theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, kết quả các tiêu chí đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (thực hiện theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

a) Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2023-2024 và dự kiến cho năm học tiếp theo.

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo dự toán 2023 và thông báo dự toán kinh phí 2024).

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, hoạt động phí, các nguồn hỗ trợ, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Về hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai và công bố trong các cuộc họp của cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 8 đến tháng 10 hàng năm, cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Đối với nội dung “Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024” phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm 2023-2024 và kế hoạch triển khai của năm học 2024-2025.

- Phó Hiệu trưởng và Văn thư: chịu trách nhiệm về nội dung 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;

- Tổ trưởng chuyên môn và văn phòng, Chủ tịch Công đoàn: chịu trách nhiệm nội dung 2: Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo hiệu trưởng.

- Kế toán chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính. Chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo cho Hiệu trưởng.

Yêu cầu các bộ phận trong Ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra. /.

Nơi nhận:

- BGH;
- Tổ chuyên môn;
- BCHCD;

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Phương

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BÚA**

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Búa
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	8	9
I	Điều kiện tuyển sinh	Thu nhận toàn bộ học sinh có hộ khẩu, KT3 tại địa bàn theo phân tuyến đã tốt nghiệp Tiểu học, đủ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT.	Hoàn thành chương trình lớp 6.	Hoàn thành chương trình lớp 7.	Hoàn thành chương trình lớp 8.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình GDPT 2018 do Bộ Giáo dục ban hành (lớp 6)			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, năng lực tự học của học sinh là chính.			

		- Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; tham quan dã ngoại, học tập trải nghiệm, STEM
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Lên lớp thẳng đạt 99,1%. - Có 1 học sinh ở lại và 09 học sinh thi lại - Không có học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh được lên lớp và sẽ học lớp 7 và lớp 8, lớp 9 năm học 2023-2024.

Hóc Môn, ngày 30 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỬA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	50	608	471	516	599
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	569				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	446				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	485	3	0	1	1
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	560		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2194				
1	Giỏi (Khối 6: Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	250				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	176				
3	Trung bình (Khối 6: Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	195				
4	Yếu (Khối 6: chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	292	20	13	6	0

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2194				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2154	587	510	599	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	250	176	195	292	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	34	25	29	38	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	39	21	13	6	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	14/53 0,01	4/25 0,02	7/18 0,03	3/10 0,03	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)- (tỷ lệ so với tổng số)	59 2,4	29	25	5	0
V	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	8	8	0	0	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2	1	0	0	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	599				599
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	599				599
1	Giỏi	290				

	(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	239				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	70				
VII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa thi				
VIII	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa thi				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	2194	608	471	516	599
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	69	22	23	7	7

Hóc Môn, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỬA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
 năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	1,70
2	Phòng học bán kiên cố	5	1.55
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	8	1,80
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	2,0
7	Bình quân lớp/phòng học	1,0	1,70
8	Bình quân học sinh/lớp	46hs/lớp	1,75
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14.090,7	31,0
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8.469,3	18,8
VI	Tổng diện tích các phòng	2832	

1	Diện tích phòng học (m ²)	68,0	1,60
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	72,0	1,70
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	48	1,05
3	Diện tích thư viện (m ²)	142	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	725	.
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	30-35	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	4	
2	Khối lớp 7	4	
3	Khối lớp 8	2	
4	Khối lớp 9	0	
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	180	1 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	Cái	8
2	Cát xét	Cái	7
3	Đầu Video/đầu đĩa, Projestor	Cái	4
4	Bảng tương tác	Cái	0
5	Đàn Ogan	Cái	1
..		1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	150,0
XI	Nhà ăn	746,7

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích · bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	13 930m ²	1800	1,0m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Nam/nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1/1		10/10		1,50
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	2	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	3	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
XIX	Tường rào xây	1.600m	

Hóc Môn, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN BỬA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	86		6	80	3	5	7	40	12	0	40	0	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	80		6	67				40	12	0	40			
1	Toán	12			7				12			8			
2	Lý	4			4				4			4			
3	Hóa	2			2				1			0			
4	Sinh	4			3				1	1		2			
5	Ngữ văn	10			10				5	1		5			
6	Lịch sử	5			5				3	1		4			

7	Địa lý	4			3				3	1		4			
8	Tiếng anh	10			7				3	3		7			
9	Thể dục	5			4				4			2			
10	Âm nhạc	3			2				1						
11	Mỹ Thuật	2			2					1		1			
12	Công nghệ	3			3				2			2			
13	Tin học	3			4				1	1		2			
14	GDCD	1			1				1			1			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1							3			
1	Hiệu trưởng	0		0						0		0			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2		2			
III	Nhân viên	16		1	1	3	5	7							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1		1											
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1				1									
5	Nhân viên thư viện	1					1								

6	Tổng phụ trách	1												
7	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1							
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	1												
9	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1							
10	Học vụ	1				1								
11	CT Phổ cập	0												
12	Giám thị	4					4							
13	Phục vụ	2						2						
14	Bảo vệ	4						4						

Học Môn, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Phụ lục số 1

Mẫu CKQ 01

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Học phí

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	47.970.000	1- Chi hoạt động nhà Trường	403.376.574
2- Tổng thu:	615.285.000		
Tổng cộng	663.255.000	Tổng cộng:	403.376.574
Tồn quỹ cuối kỳ:	259.878.426		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chữ tài khoản)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Phụ lục số 1

Mẫu CKQ 01

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Tin học

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	34.115.580	1- Chi quyết toán tiền dạy tin học	712.538.659
2- Tổng thu:	685.248.000		
Tổng cộng	719.363.580	Tổng cộng:	712.538.659
Tồn quỹ cuối kỳ:	6.824.921		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ

(Chữ tài khoản)

**Nguyễn Thị Thanh Phương**

Phụ lục số 1

Mẫu CKQ 01

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Dạy 02 buổi

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	583.864.661	1- Chi quyết toán tiền dạy 02 buổi	1.752.651.225
2- Tổng thu:	1.237.693.000		
Tổng cộng	1.821.557.661	Tổng cộng:	1.752.651.225
Tồn quỹ cuối kỳ:	68.906.436		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chủ tài khoản)**Nguyễn Thị Thanh Phương**

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Vệ sinh bán trú

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	79.308.300	1- Mua sắm vật dụng vệ sinh	85.931.920
2- Tổng thu:	50.017.000		
Tổng cộng	129.325.300	Tổng cộng:	85.931.920
Tồn quỹ cuối kỳ:	43.393.380		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chữ tài khoản)

Nguyễn Thị Thanh Phương

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Thiết bị bán trú

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	77.019.772	1- Mua sắm thiết bị bán trú	314.570.509
2- Tổng thu:	351.100.000		
Tổng cộng	428.119.772	Tổng cộng: 1800	314.570.509
Tồn quỹ cuối kỳ:	113.549.263		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chịu tài khoản)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Phục vụ bán trú

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	97.563.459	1-Chi quyết toán tiền công phục vụ	398.040.459
2- Tổng thu:	300.477.000		
Tổng cộng	398.040.459	Tổng cộng:	398.040.459
Tồn quỹ cuối kỳ:	0		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chịu tài khoản)


Nguyễn Thị Thanh Phương

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Bứa

- Tên Quỹ: Căn tin

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	3.000.000	1- Đóng thuế môn bài, GTGT, TNDN, Chi trả tiền điện nước	12.000.000
2- Tổng thu:	117.000.000		
Tổng cộng	120.000.000	Tổng cộng:	12.000.000
Tồn quỹ cuối kỳ:	108.000.000		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chủ tài khoản)



Nguyễn Thị Thanh Phương

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Bứa

- Tên Quỹ: Dạy Kỹ năng sống

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	20.402.800	1- Chi quyết toán dạy Kỹ năng sống	396.119.120
2- Tổng thu:	380.580.000		
Tổng cộng	400.982.800	Tổng cộng:	396.119.120
Tồn quỹ cuối kỳ:	4.863.680		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chủ tài khoản)

Nguyễn Thị Thanh Phương

Đơn vị công bố thông tin: Trường THCS Nguyễn Văn Búra

- Tên Quỹ: Dạy Anh Văn Bản Ngũ

QUYẾT TOÁN THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC 2023-2024

Đơn vị: đồng

Các khoản thu	Số tiền	Sử dụng nguồn thu	Số tiền
1- Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang:	365.398.617	1- Chi quyết toán dạy AVBN	1.924.038.917
2- Tổng thu:	1.622.909.000		
Tổng cộng	1.988.307.617	Tổng cộng: gần 1000 học sinh	1.924.038.917
Tồn quỹ cuối kỳ:	64.268.700		

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ
(Chủ tài khoản)



Nguyễn Thị Thanh Phương